

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1704/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động Quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) giai đoạn 2012 - 2020;

Căn cứ Công văn số 990/BTNMT-KTTVBĐKH ngày 24/3/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH;

Căn cứ Quyết định số 4110/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến 2020;

Căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2492/UBND-NN ngày 03/4/2014 về việc giao bổ sung, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH;

Căn cứ Quyết định số 4427/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 và Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 03/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đề cương và kinh phí thực hiện nhiệm vụ: Cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 541/TTr-STNMT ngày 11/5/2017 về việc đề nghị phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ: "Cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030",

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với các nội dung chính sau:

SỞ Y TẾ THANH HÓA	
ĐẾN	Số:/.....
	Ngày: 26/5/17
	Chức vụ:
	Lưu hồ sơ:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xác định được các tác động nghiêm trọng của BĐKH, nước biển dâng (NBD) đến quá trình phát triển của tỉnh Thanh Hóa, các giải pháp ưu tiên nhằm ứng phó hiệu quả với BĐKH, lộ trình triển khai và nguồn lực thực hiện cho giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Thanh Hóa được cập nhật theo Kịch bản BĐKH và nước biển dâng do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố tháng 3 năm 2012.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Trên cơ sở các kịch bản về BĐKH ở Việt Nam đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thực hiện “Cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; các sở, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của ngành địa phương mình;

- Xác định được nhiệm vụ, dự án ưu tiên thích ứng và giảm thiểu BĐKH; Tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Triển khai thực hiện đánh giá tác động của BĐKH, đặc biệt là NBD đối với một số lĩnh vực, ngành, địa phương nhạy cảm và dễ bị tổn thương do BĐKH như: tài nguyên nước; nông nghiệp; công nghiệp; thương mại - dịch vụ; sức khỏe; sinh kế; vùng đồng bằng, vùng núi và vùng ven biển.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Hoàn thành việc đánh giá tác động của BĐKH, đặc biệt là NBD, đến các lĩnh vực, ngành và địa phương.

- Thực hiện các chương trình, dự án nhằm tiến hành đồng thời các giải pháp để ứng phó tác động của BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, phát triển nền kinh tế các-bon thấp, tăng trưởng xanh, nâng cao đời sống, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trong bối cảnh BĐKH của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Đối với các ngành, lĩnh vực

1.1. Lĩnh vực nông nghiệp

Nâng cao khả năng ứng phó với BĐKH của ngành nông nghiệp nhằm giảm thiểu mức độ thiệt hại do BĐKH và tham gia giảm phát thải khí nhà kính, đảm bảo được sự phát triển bền vững các lĩnh vực thuộc ngành. Phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai do BĐKH, NBD gây ra, đồng thời tạo ra cơ hội phát triển bền vững các lĩnh vực của ngành nông nghiệp trong điều kiện BĐKH, NBD.

- Chủ động ứng phó, phòng chống thiên tai, chống ngập lụt, xâm lấn mặn, củng cố hệ thống đê sông, đê biển và đảm bảo an toàn hồ chứa, các công

trình dân sinh, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

- Phát triển và sản xuất mới các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thích ứng diễn biến thời tiết và tình hình dịch bệnh.

- Nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác mới có sự quan tâm nhiều hơn về môi trường và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Bảo vệ tốt vốn rừng hiện có, nâng cao độ che phủ rừng. Tập trung có hiệu quả việc giao khoán rừng, xây dựng mô hình quản lý rừng có hiệu quả, xây dựng mô hình sản xuất nông lâm kết hợp có hiệu quả.

1.2. Lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và năng lượng

- Từng bước thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để chủ động hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới; đẩy mạnh xúc tiến kêu gọi đầu tư vào khu kinh tế Nghi Sơn, đầu tư phát triển các KCN mới, lấp đầy các KCN hiện có. Phấn đấu đưa Nghi Sơn trở thành khu kinh tế động lực của tỉnh và vùng Nam Thanh Bắc Nghệ.

- Thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng các-bon thấp, tái cấu trúc các ngành kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực tiêu tốn ít năng lượng; từng bước hạn chế phát triển các nhóm ngành kinh tế tiêu tốn nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường, hiệu quả kinh tế thấp.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng, tiết kiệm năng lượng, phát triển và phổ biến các công nghệ tăng hiệu quả năng lượng; Nghiên cứu, phát triển, quy hoạch, xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư phát triển và đưa vào sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và năng lượng sinh học.

1.3. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ

Đảm bảo ứng phó với BĐKH một cách chủ động, giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực của tự nhiên đến hoạt động thương mại và dịch vụ; chủ động liên kết và lên phương án phối hợp, ứng phó với BĐKH, đối với các tình huống, các phương án có thể xảy ra.

1.4. Lĩnh vực văn hóa, xã hội (giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - thể thao và du lịch, đời sống nhân dân, xóa đói giảm nghèo và bảo vệ sức khỏe cộng đồng)

- Giáo dục: Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho toàn xã hội về BĐKH; tăng cường mối quan hệ hợp tác phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu về BĐKH; xây dựng và phối hợp triển khai chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, về BĐKH cho các ngành, các địa phương.

- Y tế, sức khỏe cộng đồng: tăng cường công tác y tế; nâng cấp, cải tạo, xây mới cơ sở hạ tầng phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Tăng cường phòng chống các dịch bệnh do BĐKH; Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ y tế các địa phương trong bối cảnh BĐKH.

- Văn hóa, thể thao và du lịch: Tuyên truyền về sự phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo ra một môi trường lành mạnh; Tận dụng nguồn lực của ngành để tăng cường tuyên truyền về các biện pháp ứng phó với BĐKH.

- Xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống nhân dân: Đẩy mạnh việc hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề cho nông dân, ngư dân phát triển sinh kế, đặc biệt là nhóm đối tượng thường xuyên chịu ảnh hưởng của rủi ro thiên tai; hỗ trợ vay vốn tạo việc làm, gắn chặt hỗ trợ vay tín dụng với dạy nghề, khuyến nông, lâm ngư, tăng cường các hoạt động tư vấn và giới thiệu việc làm gắn với nhu cầu cần chuyển đổi việc làm của nông dân và ngư dân.

1.5. Lĩnh vực phát triển hạ tầng

- Phát triển hạ tầng phải tính đến các nguy cơ có thể xảy ra từ BĐKH. Đặc biệt là các nhân tố tác động trực tiếp đến kết cấu hạ tầng và kiến trúc công trình.

- Có những nghiên cứu sâu sắc, giải pháp tối ưu để hóa giải các tác động của BĐKH. Tránh tác động trực tiếp, phải đưa ra giải pháp đồng bộ, kết hợp nhiều biện pháp để đạt hiệu quả tối ưu trong công tác ứng phó với BĐKH mà không làm ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực khác.

1.6. Lĩnh vực tài nguyên môi trường

1.6.1. Quản lý sử dụng tài nguyên đất

Bảo đảm quy hoạch sử dụng đất đáp ứng chiến lược phát triển KT-XH, an ninh quốc phòng và thích ứng với BĐKH trên địa bàn tỉnh. Làm cơ sở cho quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và cấp xã; quy hoạch sử dụng đất chuyên ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp, các dự án đầu tư phát triển...

- Bố trí ổn định diện tích đất cho phát triển Lâm nghiệp; bố trí tối ưu nhu cầu sử dụng đất cho các dự án, công trình đã được ghi trong quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH và quy hoạch các ngành, lĩnh vực có tính đến hậu quả của BĐKH;

- Quy hoạch sử dụng đất đáp ứng nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với BĐKH; quy hoạch ổn định đất lúa đảm bảo an ninh lương thực của tỉnh; ưu tiên bố trí quy hoạch sử dụng đất đối với các công trình thủy lợi

- Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch đất cho các đô thị, khu vực dân cư ở vùng núi, vùng biển đặc biệt những nơi có nguy cơ bị ảnh hưởng của lũ lụt, sạt lở đất và NBD.

1.6.2. Khai thác, bảo vệ tài nguyên nước và khoáng sản

- Xây dựng chương trình kế hoạch thích ứng với BĐKH trong lĩnh vực quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại các ngành, các cấp; phát triển hoàn thiện hệ thống hạ tầng công trình thủy lợi tăng khả năng dự báo theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa đáp ứng yêu cầu ứng phó với BĐKH; sử dụng nguồn nước khoa học, tiết kiệm và hợp lý; đáp ứng nhu cầu nước ngọt cho hoạt động sản xuất và dân sinh, đặc biệt ở khu vực thường xuyên bị hạn hán, xâm nhập mặn.

- Khai thác khoáng sản hợp lý dựa trên đánh giá tổng quát về trữ lượng, khả năng khai thác và nhu cầu của thị trường; khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản.

1.6.3. Bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

Tăng cường công tác bảo vệ, xây dựng các khu bảo tồn, bảo vệ sinh cảnh các loài sinh vật đặc trưng, có mức độ ảnh hưởng lớn đến điều tiết quá trình cân bằng của các hệ sinh thái.

Quy hoạch, xây dựng và thành lập các khu vực bảo tồn, bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật và sinh cảnh. Nâng cao trình độ và năng lực cho cán bộ chuyên môn và quản lý các khu vực bảo tồn đa dạng sinh học, đồng thời đưa ra biện pháp đối phó với thách thức của BĐKH khi có các hiện tượng cực đoan xảy ra.

2. Đối với các vùng sinh thái

2.1. Vùng ven biển

- Xây dựng và hoàn thiện các hệ thống đê, kè ven sông, ven biển để đủ sức bảo vệ dân cư, các cơ sở hạ tầng và khu vực sản xuất phía trong đê.

- Xây dựng các hệ thống rừng phòng hộ ven biển bảo vệ và hỗ trợ bảo vệ cho các công trình ven biển. Góp phần làm tăng hiệu quả của công trình, kéo dài thời gian bảo vệ của các công trình này.

- Tập trung khắc phục và hạn chế tác động của xâm nhập mặn bằng các giải pháp đồng bộ từ sử dụng nguồn nước hợp lý, xây dựng các hệ thống tưới tiêu khoa học, chọn các loài cây trồng sử dụng ít nước trong quá trình sinh trưởng và phát triển.

- Xây dựng hành lang, khu vực kinh tế ven biển phải tính toán tới các yếu tố của BĐKH và tính tới các kịch bản xấu nhất có thể xảy ra để bảo vệ người dân và cơ sở hạ tầng.

2.2. Vùng đồng bằng

- Xây dựng hệ thống tưới tiêu khoa học, tiết kiệm nước, đồng thời có thể chuyển đổi một số loài cây trồng, thời vụ trồng ít sử dụng tới nguồn nước; xây dựng hệ thống lưu trữ nguồn nước và sử dụng hợp lý, ưu tiên cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp và chống xâm nhập mặn.

- Thường xuyên cập nhật và nghiên cứu đưa ra các giải pháp thích hợp nhất, trong từng điều kiện tại từng khu vực để ứng phó với BĐKH.

2.3. Vùng miền núi

- Xây dựng hệ thống cảnh báo nguy cơ có thể xảy ra các hiện tượng: lũ quét, lũ ống, sạt lở đất, cháy rừng, ...; xây dựng cơ cấu chuyển đổi cây trồng vật nuôi phù hợp thích ứng với điều kiện của BĐKH

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục cho cộng đồng dân cư về kiến thức để ứng phó với tác động của BĐKH

3. Xây dựng danh mục các nhiệm vụ, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Triển khai các đề tài, dự án hợp tác quốc tế về BDKH, tiếp nhận chuyển giao và ứng dụng các công nghệ thân thiện với môi trường;

- Đánh giá khả năng ứng phó và khả năng bị tổn thương thông qua xây dựng hệ thống cảnh báo sớm và hệ thống chia sẻ thông tin để tăng cường khả năng dự báo và sẵn sàng ứng phó với thiên tai liên quan tới BDKH;

- Củng cố và hoàn thiện tổ chức khoa học công nghệ ở các ngành và các cấp về BDKH; đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động khoa học công nghệ về BDKH ở các cấp, các ngành;

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn cho nghiên cứu khoa học công nghệ và đào tạo về BDKH.

2. Giải pháp về huy động nguồn lực

- Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành trong việc hoạch định chính sách và cơ chế điều phối, sự tham gia rộng rãi của các doanh nghiệp và cộng đồng trong thực hiện các hoạt động ứng phó với BDKH;

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; huy động nguồn nhân lực thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng;

- Tạo điều kiện thuận lợi để khai thác các nguồn vốn đầu tư (đầu tư cơ sở hạ tầng, cải cách hành chính, chính sách ưu đãi...), tranh thủ mọi nguồn vốn của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, kêu gọi vốn ODA, NGO và vốn các thành phần kinh tế khác.

3. Giải pháp về tăng cường hợp tác quốc tế

- Tranh thủ khai thác, tiếp nhận và sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ của quốc tế bao gồm: cung cấp tài chính, chuyển giao công nghệ mới thông qua hợp tác quốc tế;

- Hợp tác, kết nối với các chương trình quốc tế và khu vực, trao đổi thông tin, thiết lập mạng lưới đối tác song phương và đa phương về BDKH.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban chỉ đạo và Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo cấp tỉnh

a) Ban chỉ đạo gồm: Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm Phó Trưởng ban thường trực; Lãnh đạo các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính làm Phó Trưởng ban; các thành viên là đại diện lãnh đạo các Sở, ngành, địa phương có liên quan.

Chức năng, nhiệm vụ: Chỉ đạo, điều phối, theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ về BDKH được phê duyệt trong Bản cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với BDKH của tỉnh đảm bảo hiệu quả, đồng bộ và thống nhất

trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo của tỉnh Thanh Hoá là bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo, điều phối các hoạt động của Kế hoạch, đặt tại Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt Quy chế hoạt động của Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo.

2. Trách nhiệm các sở, ngành, địa phương và cơ quan liên quan

a) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, điều hành, hướng dẫn thực hiện Bản cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH, trình UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Theo kế hoạch thực hiện tính toán kinh phí cần thiết, báo cáo Ban Chỉ đạo để tổng hợp kế hoạch vốn hàng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp theo quy định của Luật Ngân sách;

- Hướng dẫn các Sở, ngành và địa phương trong quá trình thực hiện Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt;

- Điều phối chung các hoạt động về thông tin, giáo dục và truyền thông liên quan đến BĐKH;

- Hướng dẫn, giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch;

- Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện Kế hoạch hành động, đề xuất giải quyết những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương xây dựng và hướng dẫn thực hiện bộ khung tiêu chuẩn tích hợp BĐKH vào các chiến lược, chương trình, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội;

- Phối hợp với các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ chế giám sát việc thực hiện Kế hoạch; điều phối các nguồn vốn cho các đề án, dự án và nhiệm vụ của Kế hoạch.

c) Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường phân bổ nguồn vốn, điều phối kinh phí chung và điều phối các nguồn tài trợ cho các đề án, dự án và nhiệm vụ của Kế hoạch;

d) Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố. Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan

- Chịu trách nhiệm triển khai nhiệm vụ được giao trong Bản cập nhật kế hoạch ứng phó với BĐKH;

- Chủ động tham gia các hoạt động phối hợp chung theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo tỉnh.

đ) Các tổ chức xã hội và doanh nghiệp

- Tuỳ theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động tham gia vào các hoạt động ứng phó với BĐKH, đặc biệt là lĩnh vực thông tin, giáo dục và truyền thông;

- Hỗ trợ và huy động sự tham gia của cộng đồng, phổ biến kinh nghiệm các mô hình ứng phó hiệu quả với BĐKH; thực hiện hoặc tham gia thực hiện các đề án, dự án trong Bản cập nhật kế hoạch ứng phó với BĐKH của các ban, ngành, địa phương.

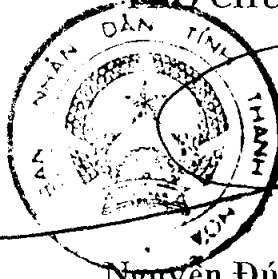
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- T.Tr Tỉnh uỷ, HĐND, UBND (để b/c);
- Lưu: VT, PgNN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

UBND TỈNH THANH HÓA

SỞ Y TẾ

Số: 15/SY

SAO Y BẢN CHÍNH

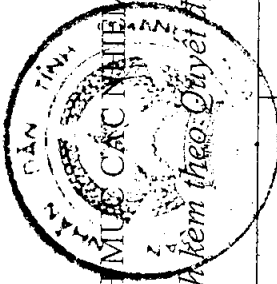
Thanh Hóa, ngày 05 tháng 6 năm 2017

Nơi nhận:

- Giám đốc Sở;
- Các phòng, ban cơ quan Sở;
- Các đơn vị trong ngành;
- Lưu: VT, VP.



Trần Huy Quang



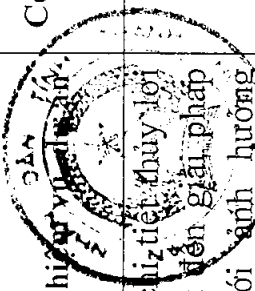
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

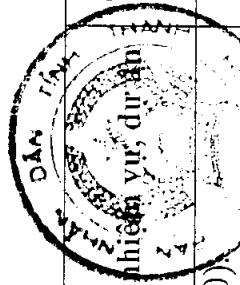
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1704/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
I	Nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực nhằm ứng phó với BĐKH						
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về tác động của BĐKH và NBD và tăng cường năng lực các cấp chính quyền trong việc triển khai các biện pháp ứng phó với BĐKH.	Sở TN&MT	Sở Thông tin Truyền thông, Sở GDĐT, UBNDTTQ tỉnh và các Sở, ban, ngành liên quan khác	2017-2020	5.000	NSTW, NSDP, ODA	Tiếp tục triển khai thực hiện
2	Ứng dụng khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình sinh thái nhằm giảm thiểu tác động của quá trình đô thị hóa, thích ứng với BĐKH tỉnh Thanh Hóa.	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT, Sở KHCN và các Sở ban ngành liên quan khác	2017-2025	12.000	NSTW, NSDP	Bổ sung mới
3	Xây dựng các mô hình cộng đồng chủ động phòng tránh, giảm nhẹ tác hại của	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT	2017-2020	2.000	NSDP, XHH	Bổ sung mới

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
	thiên tai thích ứng với BĐKH.						
	Xây dựng mô hình thí điểm sử dụng các vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.	Sở Công thương	Các Sở ban ngành, thành phố, đoàn thể.	2017-2030	100.000	NSTW, NSDP, XHH, ODA	Bổ sung mới
II Triển khai công tác quy hoạch, phòng ngừa và ứng phó với BĐKH							
	Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản hiệu quả với sự xem xét trước mắt và lâu dài của BĐKH và NBD đảm bảo nền sản xuất nông nghiệp hàng hoá ổn định và bền vững tại các huyện ven biển.	Sở NN&PTNT	Sở TNMT, UBND các huyện, thị xã, ven biển và các ban ngành liên quan	2017-2030	4.000	NSNN, XHH	Tiếp tục thực hiện
6	Quy hoạch sử dụng và bảo vệ nguồn nước: 4 hệ thống sông trên địa bàn Tỉnh.	Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thị xã có liên quan	2017-2025	50.000	NSNN, ODA	Tiếp tục thực hiện
7	Rà soát quy hoạch tổng thể thủy lợi và hoàn thiện các	Sở NN&PTNT	Sở TN&MT và các Sở ban ngành liên	2016-2020	43.000	NSDP	Tiếp tục thực

TT	Danh mục nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
	 quy hoạch chi tiết thủy lợi vùng có xét đến giải pháp ứng phó với ảnh hưởng BĐKH trên địa bàn tỉnh		quan khác				hiện
8	Quản lý tổng hợp dải ven biển tỉnh Thanh Hóa.	Sở TNMT	UBND các huyện, thị xã ven biển và các ban ngành liên quan	2017-2025	10.000	NSNN	Tiếp tục thực hiện
9	Thiết lập mạng lưới thông tin hỗ trợ phòng tránh bão, sóng thần và tìm kiếm cứu nạn trên biển.	Bộ chỉ huy biên phòng tỉnh	Sở TNMT và các Sở, ban ngành có liên quan	2017-2030	5.000	NSNN	Tiếp tục thực hiện
10	Xây dựng bản đồ dịch tễ các bệnh truyền nhiễm do ảnh hưởng của BĐKH	Trung tâm Y tế dự phòng-Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	2017-2020	2.000	NSNN, PCP	Bổ sung mới
11	Quy hoạch, phân vùng và đánh giá rủi ro do ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn tỉnh.	Sở NN&PTNT	Sở TNMT, UBND các huyện miền núi và các ban ngành liên quan	2017-2025	4.000	NSNN	Tiếp tục thực hiện
III	Đánh giá tác động của BĐKH tới các ngành, lĩnh vực, địa phương và đề xuất các giải pháp ứng phó						
12	Đánh giá biến động đường bờ tỉnh Thanh Hóa dưới tác	Sở TN&MT	Các Sở, ngành và địa phương liên quan	2017-2020	25.000	NSNN	Bổ sung mới

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
	động của BDKH và NBD; đề xuất giải pháp bảo vệ đường bờ phục vụ phát triển kinh tế biển.						
13	Điều tra, đánh giá thực trạng và tác động của BDKH, nước biển dâng đến xói lở và bồi lắng vùng cửa sông và ven biển tỉnh Thanh Hóa	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT và các sở ban ngành có liên quan	2017-2030	25.000	NSNN	Bổ sung mới
14	Đánh giá tác động của BDKH đến sự biến động diện tích và cơ cấu sử dụng đất trên toàn tỉnh; đề xuất các giải pháp quy hoạch sử dụng đất cho tỉnh Thanh Hóa đến năm 2050.	Sở TN&MT	Các Sở, ban ngành có liên quan	2017-2025	8.000	NSNN, ODA, XHH	Tiếp tục thực hiện
15	Đánh giá ảnh hưởng của thiên tai như: bão, lũ, lụt, hạn hán, NBD,... đến chiến lược về phát triển KT-XH (2016-2020) và kế hoạch phát triển KT-XH	Sở Kế hoạch Đầu tư	Sở TNMT và các Sở, ban ngành có liên quan	2017-2025	1.500	NSNN	Tiếp tục thực hiện



TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án (2016-2020)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
16	Đề xuất các giải pháp khoa học công nghệ chuyển đổi cơ cấu mùa vụ cây trồng vật nuôi và biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp với BĐKH.	Sở NN&PTNT	Sở KHHCN, Sở TNMT, UBND các huyện, thị xã, và các ban ngành liên quan	2017-2030	3.000	NSDP	Tiếp tục thực hiện
IV	Triển khai thực hiện các dự án ứng phó với BĐKH						
17	Dự án đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thanh Hóa	Sở GTVT	các Sở ban ngành và các địa phương liên quan khác	2017-2025	7.500.000	NSNN, Trái phiếu chính phủ, các nguồn huy động hợp pháp khác	Bổ sung mới
18	Kè chống sạt lở và xây dựng hệ thống công kiểm soát mặt khu kinh tế trọng điểm KKT Nghi Sơn	Ban quản lý KKT Nghi Sơn & KCN	các Sở ban ngành và các địa phương liên quan khác	2017-2020	12.000	Nguồn tài trợ của các tổ chức phi chính phủ và ngân sách nhà nước,...	Bổ sung mới
19	Đường Thăm đi cầu Đò Đại	Sở GTVT	các Sở ban ngành và các địa phương liên quan khác	2017-2020	1.000.000	NSNN, Trái phiếu chính phủ, các nguồn huy động hợp	Bổ sung mới

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
						pháp khác	
20	Đầu tư xây dựng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn quanh xã đảo Nghi Sơn huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	UBND huyện Tĩnh Gia	Các Sở, ngành liên quan	2017	197.000	ODA	Bổ sung mới
21	Đầu tư, tu bổ, nâng cấp đê biển, đê sông trên địa bàn tỉnh.	Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thị xã, ven biển và các ban ngành liên quan	2017-2025	5.231.000	NSNN	Tiếp tục thực hiện
22	Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp hồ đập, trạm bơm tưới tiêu, kênh tiêu, công tiêu trên địa bàn tỉnh	Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thị xã, các ban ngành liên quan	2017-2025	5.499.000	NSNN,	Tiếp tục thực hiện
23	Trồng rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển để giảm tác động của BĐKH và NBD.	Sở NN&PTNT	Sở TNMT, UBND các huyện, thị xã ven biển và các ban ngành liên quan	2017-2025	350.000	ODA, NSNN	Tiếp tục thực hiện
24	Nâng cấp cảng cá, bến cá: Nga Bạch (Nga Sơn); Lạch Hới (Sầm Sơn), Nghi Sơn (Tĩnh Gia).	Sở NN&PTNT	UBND các huyện có liên quan	2017-2030	176.000	NSNN	Tiếp tục thực hiện
25	Dự án xây dựng hệ thống các trạm quan trắc kiểm soát tác động các chất thải	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã và các ban ngành liên quan	2017-2025	25.000	NSNN, FDI, nguồn vốn doanh nghiệp	Tiếp tục thực hiện

TT	Danh mục nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
	- BVMT: 27 huyện, thị xã thành phố.						
26	Hệ thống quan trắc cảnh báo lũ ống, lũ quét: 11 huyện miền núi.	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã và các ban ngành liên quan	2017-2025	10.000	NSNN	Tiếp tục thực hiện
27	Đầu tư xây dựng các trạm quan trắc môi trường tự động và bổ sung trang thiết bị phòng thí nghiệm.	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT và các sở ban ngành liên quan	2017-2030	160.000	NSNN, FDI, ODA	Bổ sung mới
28	Đầu tư dự án cấp nước sạch và vệ sinh môi trường cho khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở NN&PTNT	UBND các huyện và các đơn vị liên quan	2017-2020	510.350	NSTW, PPP, ODA và XXH	Tiếp tục thực hiện
29	Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ việc chuyển dịch cơ cấu mùa vụ sản xuất trong điều kiện BĐKH ở các vùng sinh thái nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở NN&PTNT	Sở TN&MT	2017-2025	2.000	NSĐP	Bổ sung mới
Tổng tiền				20.971.850 triệu đồng			
(Bảng chữ: Hai mươi nghìn chín trăm bảy mươi một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng)							